

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-6-2022

“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Thị Phương Loan.

Ông Nguyễn Thanh Văn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Văn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 50/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Văn Yến Q, sinh năm: 1998. Địa chỉ: ấp 5, xã B, huyện D, tỉnh TN. Tạm trú: ấp 2, xã Đ, huyện N, tỉnh P “Vắng mặt”.

- *Bị đơn:* Anh Đặng Quốc T, sinh năm: 1997. Địa chỉ: ấp 5, xã B, huyện D, tỉnh TN “Vắng mặt”.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Võ Thị M, sinh năm: 1970. Địa chỉ: ấp 5, xã B, huyện D, tỉnh TN “Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 12 tháng 01 năm 2022 và qua các lần làm việc, nguyên đơn chị Nguyễn Văn Yến Q trình bày: Chị cùng chồng chị là anh Đặng Quốc T chung sống vào năm 2019, trước đó có tìm hiểu khoảng nửa năm, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện D vào ngày 13-6-2019. Ngày cưới gia đình 02 bên có cho chị nữ trang gồm: 01 đôi bông 01 chỉ vàng 24K, 01 dây chuyền 02 chỉ vàng 18K và 01 cặp nhẫn cưới 01 chỉ vàng 18K, số nữ trang hiện không còn do chị bán để lo cho con. Sau khi

cưới vợ chồng sống chung với gia đình chồng (ở ấp 5, xã Bàu Đồn) cho đến khi vợ chồng ly thân vào cuối năm 2021.

Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Đặng Nguyễn Khánh V, sinh ngày 28-12-2019, hiện con đang sống với chị.

Vợ chồng chung sống có tài sản chung là 01 xe Honda hiệu Vision biển số 70 F1 784.97, xe do mẹ chồng là bà Võ Thị M đứng tên, hiện chị đang quản lý sử dụng. Xe mua với giá là 34.500.000 đồng vào tháng 07 năm 2020. Nguồn tiền có được để mua xe do mẹ chồng cho 14.000.000 đồng, phần còn lại là tiền lương của chị dành dụm có được. Giá xe là 24.000.000 đồng.

Vợ chồng chung sống không có nợ chung.

Vợ chồng chung sống đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chồng chị không chịu đi làm để lo cho vợ con, các chi phí trong gia đình phần lớn là chị lo và có mẹ chồng chị lo phụ. Mỗi lần chị nói thì vợ chồng gây gổ, chồng chị đánh chị, tát bạt tay vào mặt chị. Mẹ chồng thì không khuyên nhủ chồng chị mà còn bên vực chồng chị, bà nói “Nó không đi làm thì từ từ đi”. Sự việc cứ kéo dài như vậy khoảng 01 năm. Đến tháng 12-2021, chị bỏ về nhà cha mẹ ruột chị ở xã Đ, huyện N, tỉnh P sống và vợ chồng ly thân cho đến nay. Từ ngày vợ chồng ly thân chồng chị có 02 lần đến gặp chị để bàn chuyện hàn gắn nhưng không có kết quả do chị không đồng ý.

Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chồng chị.

Về con chung: Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con và chị yêu cầu chồng chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chị thành niên và có khả năng lao động được.

Về tài sản chung: Chị yêu cầu được quyền sở hữu xe mô tô Honda hiệu Vision nói trên, để làm phương tiện đi làm và nuôi con.

Về nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đặng Quốc T trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của vợ anh về vấn đề hôn nhân (vợ chồng chung sống có đăng ký kết hôn); về con chung và về tài sản chung, nợ chung.

Đối với mâu thuẫn của vợ chồng, theo anh vợ chồng có mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc và cách nuôi dạy con. Vợ anh cho rằng anh không lo gì cho vợ con mặc dù anh vẫn đi làm và phụ vợ nuôi con. Về việc nuôi dạy con vợ chồng cũng phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến vợ chồng gây gổ và đánh nhau. Từ Tết nguyên đán năm 2021, vợ anh bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, lúc đầu anh có vài lần tìm vợ để hàn gắn gia đình nhưng vợ anh không đồng ý. Nay anh chấp nhận theo yêu cầu ly hôn của vợ anh.

Về con chung: Anh đồng ý giao con cho vợ anh nuôi. Hiện anh không có khả năng cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng theo yêu cầu của vợ anh. Do trước đây anh có làm phụ hồ, mỗi tháng được khoảng từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng. Hiện anh đang bị bệnh (đau bao tử) ảnh hưởng đến thần kinh nên

không làm việc được, anh đang điều trị bệnh tại nhà. Vì vậy, anh chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động được.

Về tài sản chung: Anh chấp nhận giao tài sản chung là xe Honda hiệu Vision biển số 70F1 784.97 cho vợ anh.

Về nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị M trình bày: Đối với xe mô tô Honda Vision biển số 70F1-784.94 do bà đứng tên giấy đăng ký xe. Bà đồng ý giao xe cho chị Q như thỏa thuận giữa anh T và chị Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Q và anh T; đồng thời, ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh chị về con chung, về tài sản chung và nợ chung. Đối với vấn đề cấp dưỡng nuôi con, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tất cả các đương sự đều có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự là phù hợp với Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Q và anh T chung sống vào đầu năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B vào ngày 13-6-2019. Hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị Q yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét mâu thuẫn giữa anh chị thì thấy: Vợ chồng mâu thuẫn về vấn đề tình cảm, kinh tế gia đình, về cách nuôi dạy con, dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Khi chị Q yêu cầu ly hôn anh T đồng ý. Qua lời trình bày của anh chị cho thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh chị là phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị thống giao cháu Đặng Nguyễn Khánh V, sinh ngày 28-12-2019 cho chị Q được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Sự thỏa thuận của anh chị là phù hợp với các điều 81 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, thấy rằng: Anh T làm phụ hồ, trong đó có thời gian anh bị bệnh nên không đi làm được. Mặt khác, chị Q thừa nhận trong thời gian chung sống công việc anh T không ổn định nên cần phải có sự hỗ trợ về kinh tế của cha mẹ chồng để nuôi con. Cho nên, việc chị Q yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng là cao so với thu nhập của anh T. Do đó, Hội đồng xét xử ấn định mức cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng là phù hợp điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.4] Về tài sản chung: Chị Q, anh T và bà M cùng thống nhất 01 xe Honda hiệu Vision biển số 70F1 784.97, có giá 24.000.000 đồng là tài sản chung của anh chị, do bà Võ Thị M đứng tên hiện chị Q đang quản lý, sử dụng, giao cho chị Q được quyền sở hữu. Hội đồng xét xử ghi nhận là phù hợp với điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.5] Về nợ chung: Anh chị không có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết,

[3] Như vậy, toàn bộ đề xuất của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Q chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 2,5% án phí trên giá trị tài sản được chia (do các đương sự đã thỏa thuận được trước khi mở phiên tòa). Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, theo quy định tại các khoản 5 và 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 55, 59, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các khoản 5 và 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về phí, lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Văn Yến Q với anh Đặng Quốc T.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Văn Yến Q được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đặng Nguyễn Khánh V, sinh ngày 28-12-2019. Buộc anh T có nghĩa cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 (một triệu) đồng/tháng, cho đến khi cháu V thành niên và có khả năng lao động được. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2022.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Giao chị Q được quyền sở hữu 01 xe Honda hiệu Vision biển số 70F1 784.97, do bà Võ Thị M đứng tên Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy số 062130, được Công an huyện Gò Dầu cấp ngày 23-7-2020. Xe do chị Q đang quản lý sử dụng.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận đăng ký xe khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Về án phí: Chị Q chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, 600.000 đồng án phí chia tài sản. Tổng cộng 02 khoản án phí là 900.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.162.500 đồng theo biên lai thu số 0024021 ngày 24-02-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị Q được hoàn trả số tiền chênh lệch là 262.500 đồng. Anh T chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

6. Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THA DS huyện Gò Dầu;
- UBND xã Bàu Đồn, huyện Gò Dầu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Vân Quỳnh